

Đồng Nai, ngày 03 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 149; 212; 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 148/2025/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. *Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1993.*
2. *Anh Nguyễn Tuấn L1, sinh năm: 1989.*

Cùng địa chỉ: 1A, tổ M, khu phố H, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn L1 và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân và ngày càng trầm trọng. Lý do của việc mâu thuẫn là không tìm được tiếng nói chung, khác biệt quan điểm sống, không tôn trọng, cảm thông cho nhau, dẫn đến việc thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau trong đời sống hàng ngày. Cả hai vợ chồng đã cố gắng khắc phục để duy trì hôn nhân.

Tuy Nên, vợ chồng nhận thấy không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn tình cảm với nhau nên chị L và anh L1 yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2014, cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2016 và cháu Nguyễn Thiên A1, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2021. Khi ly hôn, thỏa thuận giao cả 03 con chung cho anh Nguyễn Tuấn L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về Lệ phí Tòa án: Anh L1 và chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn L1 và chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2014, cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2016 và cháu Nguyễn Thiên A1, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2021 cho anh Nguyễn Tuấn L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Anh Nguyễn Tuấn L1 và chị Nguyễn Thị L nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007915 ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dA sự tỉnh Đồng Nai. Chị L và anh L1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dA sự, người phải thi hành án dA sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 9 Luật thi hành án dA sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dA sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dA sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đồng Nai;
- Nơi ĐKKH (UBND P. T - Giấy CNKH số 202/2013 quyền số I/2013);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Tuấn